

26	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Anh Nam; Tuyến ống Dông - Ống Bích(8050986)	146.431.000			146.431.000	146.431.000										146.431.000	146.431.000					100%
27	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Anh Nam; Tuyến nhà văn hóa Tiến Xuân - nhà ống Hải(8050988)	181.249.000			181.249.000	181.249.000										181.249.000	181.249.000					100%
28	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến Ống Hoàng - Bò Kê(8051723)	40.305.000			40.305.000	39.559.000										39.559.000	39.559.000					98.15%
29	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến nhà Bùi Hùng - nhà bà Ngai(8051724)	30.786.000			30.786.000	30.081.000										30.081.000	30.081.000					97.71%
30	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến QP ống Vui - giáp cầu Bến Trảy(8051947)	1.997.681.000	2.297.362.000		-299.681.000	1.997.681.000										1.997.681.000	1.997.681.000					100%
31	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến nhà Lân - nhà bà Bé(8052667)	901.493.000	16.486.000	350.000.000	535.007.000	358.243.000										358.243.000	358.243.000					39.74%
32	Cống Đập Đá, xã Tam Anh Bắc(8052787)	854.940.000	1.268.620.000		-413.680.000	634.310.000										634.310.000		634.310.000				74.19%
33	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến nhà ống Luôn - nhà ống Đải(8055939)	150.492.000			150.492.000	145.089.000										145.089.000	145.089.000					96.41%
34	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến ống Thuận - kênh N2(8057471)	830.000.000	330.000.000		500.000.000	830.000.000										830.000.000	830.000.000					100%
35	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Hòa(8057604)	230.458.000			230.458.000	227.236.000										227.236.000		227.236.000				98.6%
36	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Anh Nam(8057626)	124.851.000	249.702.000		-124.851.000	124.851.000										124.851.000		124.851.000				100%
37	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Anh Bắc(8057632)	188.309.000			188.309.000	188.308.000										188.308.000		188.308.000				100%
38	Kiến có hòa đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến QL1A - đường nối Việt Hàn(8057635)	1.672.000.000	300.000.000		1.372.000.000	1.554.215.000										1.554.215.000	1.554.215.000					92.96%
39	Kênh N2-9-3 Nam Phú Ninh đi qua các xã Tam Xuân 1, Tam Xuân 2 và Tam Anh Bắc) - Hàng mục: Sửa chữa nâng cấp đoạn qua xã Tam Anh Bắc(8059045)	2.506.898.000	726.468.000	1.060.000.000	720.430.000	1.856.468.000										1.856.468.000		1.856.468.000				74.05%
40	Kênh N2-9 Nam Phú Ninh đi qua các xã Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam; Hàng mục: Sửa chữa nâng cấp(8059319)	2.318.248.500	1.118.248.500	971.124.000	228.876.000	2.318.248.500										2.318.248.500		2.318.248.500				100%
41	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê 4617 thôn Phú Vinh, xã Tam Hòa(8060074)	1.669.704.000		300.000.000	1.369.704.000	1.059.442.000										1.059.442.000		1.059.442.000				63.45%
42	Nhà VH Tiến Xuân 1 -Hàng mục: Nâng cấp sân sinh hoạt văn hóa thôn Tiến Xuân 1; Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng nền sân, lắp đặt quạt(8064198)	222.237.000			222.237.000	222.237.000				222.237.000												100%
43	Đường GTNT tuyến từ đường ĐH- nhà ống Minh (Bình An)(8065805)	302.857.000	290.000.000		12.857.000	301.437.000										301.437.000	301.437.000					99.53%
44	Kênh N293-1 ống Luôn đi nương tiêu, thôn Trà Lý(8067357)	110.000.000		220.000.000	-110.000.000	94.405.000										94.405.000		94.405.000				85.82%
45	Mở rộng và kiên cố Mương Sốc, xã Tam Anh Nam(8067364)	60.151.000	120.302.000		-60.151.000	44.938.000										44.938.000		44.938.000				74.71%
46	Kênh N28 dãi 1-1 (thửa đất bà Doãn Thị Xuân đến sông), thôn Đức Bó 1(8068109)	80.000.000		160.000.000	-80.000.000	80.000.000										80.000.000		80.000.000				100%
47	Củng cố giao thông nội đồng từ Gò ống 9 Chung - 7 Sen (Trà Lý)(8069602)	34.000.000			34.000.000	22.000.000										22.000.000	22.000.000					64.71%
48	Đường GTNT; Tuyến từ đường BT Tổ 3 đến nhà ống Bình thôn Tiến Xuân 2;(8071210)	62.803.000			62.803.000	59.309.000										59.309.000	59.309.000					94.44%
49	Nhà văn hóa thôn Xuân Ngọc, xã Tam Anh Nam(8071211)	99.050.000			99.050.000	95.987.000				95.987.000												96.91%
50	Đường GTNT; BTH tuyến từ nhà ống Thọ đến nhà ống Khánh thôn Xuân Ngọc (có cống thoát nước).(8071804)	108.532.000			108.532.000	108.532.000										108.532.000	108.532.000					100%
51	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Hòa(8083671)	214.292.000		200.000.000	14.292.000	214.292.000													214.292.000			100%
52	Kênh N286 Dãi 2 - Đông Bông (Đức Bó 1)(8086885)	58.500.000			58.500.000	58.500.000										58.500.000		58.500.000				100%
53	Kênh N29.3.2.4 (Thuận An)(8086886)	58.500.000			58.500.000	40.000.000										40.000.000		40.000.000				68.38%

54	Sân bóng đá 7 người tại Trường THCS Nguyễn Khuyến - Hàng mục: Sân, cơ nhân tạo, hệ thống lưới chắn, điện chiếu sáng, thoát nước mặt sân(8096289)	51.300.000			51.300.000	51.300.000								51.300.000									100%
55	Củng cố giao thông nội đồng Ông Tư - Ông Sỹ (Đồng giềng mào dơi 7- Đục Bó 1)(8097846)	18.800.000			18.800.000	16.000.000									16.000.000	16.000.000							85.11%
56	Mương thoát nước Khu Trung tâm hành chính xã(8097848)	39.750.000			39.750.000	38.000.000							38.000.000										95.6%
57	Hệ thống mương thoát nước (Đoạn từ nhà bà Thủy - sông Trầu, thôn TX1)(8098912)	281.286.000			281.286.000	280.555.000									280.555.000	280.555.000							99.74%
58	Bê tông GTNT tuyến từ ngã ba HTX Thuận An đến đường đi Trạm bơm thôn Thuận An(8099582)	202.267.000	315.414.000		-113.147.000	202.267.000									202.267.000	202.267.000							100%
59	Trường TH Nguyễn Hiền; Hàng mục: Sân nền, hệ thống thoát nước, mái che đường nội bộ và nền sân nhà bếp ăn bán trú cơ sở chính (Thôn Xuân Ngạc)(8101958)	140.000.000			140.000.000	140.000.000	140.000.000																100%
60	Nâng cấp sân bóng đá 7 người khu thể thao xã; Hàng mục: Sân cỏ tự nhiên(8103602)	90.000.000			90.000.000	90.000.000							90.000.000										100%
61	Cảnh quan môi trường Khu trung tâm hành chính xã; Hàng mục: Trồng cây xanh, rào chắn bảo vệ cây(8103611)	170.811.000			170.811.000	170.811.000									170.811.000	170.811.000							100%
62	Nhà văn hóa đa năng xã; Hàng mục: Bê tông sân vườn, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện thắp sáng(8104105)	203.300.000	149.000.000		54.300.000	188.424.000					188.424.000												92.68%
63	Xây dựng cảnh quan môi trường các thôn; Hàng mục: Trồng cây xanh(8109808)	59.200.000	55.000.000		4.200.000	55.083.000									55.083.000			55.083.000					93.05%
64	Khu neo đậu tránh trú bão thôn Tiên Xuân 1, xã Tam Anh Nam(8118861)	1.537.041.000			1.537.041.000	1.065.977.000									1.065.977.000	1.065.977.000							69.35%
65	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường - Trụ sở UBND xã(8119898)	223.582.000	223.582.000			223.582.000												223.582.000					100%
66	Khu thể thao thôn Phú Vinh; Hàng mục: Tường rào lưới B40, chỉnh trang mặt bằng sân thể thao(8121369)	714.000.000	413.500.000		300.500.000	705.253.000						705.253.000											98.77%
67	Hoàn thiện hạ tầng, cảnh quan Nhà văn hóa thôn Xuân Ngạc, xã Tam Anh Nam(8123310)	744.680.000	1.489.360.000		-744.680.000	744.680.000					744.680.000												100%
68	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc tuyến từ nhà ông Được đi Kênh N2- 8(8155913)	1.001.193.000			1.001.193.000	141.756.000									141.756.000	141.756.000							14.16%
69	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc Phòng đi nhà ông Nhân.(8157787)	777.000.000			777.000.000	143.988.000									143.988.000	143.988.000							18.53%
70	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến: ĐX1, TH-ĐH2- Nhà ông Lâu (Đoạn ĐH2- nhà ông Hươn)(8157985)	1.488.501.000			1.488.501.000	263.497.000									263.497.000	263.497.000							17.7%
71	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Hòa; Tuyến: ĐX1, TH- Ngã 3 Đất Đỏ- Cổng số 1; ĐH2- nhà ông Ngà(8157986)	980.000.000			980.000.000	190.291.000									190.291.000	190.291.000							19.42%
72	GTNT xã Tam Anh Nam - Tuyến nhà ông Phúc đến nhà ông Sơn; đường bê tông Xuân Trĩ đến nhà ông Phú(8157988)	704.855.000			704.855.000	116.648.000									116.648.000	116.648.000							16.55%
73	GTNT xã Tam Anh Bắc - Tuyến: nhà Bà Nguyễn Thị Thảo đi cây Gõ; nhà ông Tiến đến nhà ông Nguyễn Vinh; nhà bà Dung đến nhà ông Bảy; nhà ông Bình đi nhà(8157989)	803.972.000			803.972.000	169.972.000									169.972.000	169.972.000							21.14%